

Số: 91 /2023/QĐST-DS

Châu Thành, ngày 06 tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 11 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 230/2023/ TLST- DS ngày 18 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V;

Địa chỉ: 89, Láng Hạ, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Địa chỉ liên hệ: 01A, H, phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch HĐQT;

Đại diện theo ủy quyền: ông Đỗ Thành T, chức vụ: Phó giám đốc khối Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ, V1 hội sở.

Người đại diện theo ủy quyền:

1/Ông Trương Võ Văn Quỳnh

Địa chỉ: A, H, phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang;

2/ Ông Nguyễn Văn Đ;

Địa chỉ: số I C, phường D, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 15/9/2023)

Bị đơn: 1/ Ông Nguyễn Thành P, sinh năm 1983;

ĐKTT: 128, Ấp K, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Nơi cư trú hiện tại: 226D, **ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.**

2/ Bà **Huỳnh Thị Trúc L**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: **B, ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.**

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông **Nguyễn Thành P** và bà **Huỳnh Thị Trúc L** thừa nhận còn nợ và đồng ý liên đới trả cho **Ngân hàng thương mại cổ phần V** (gọi tắt là Ngân hàng) số nợ tính đến ngày 28/11/2023 là 212.718.861 đồng (*hai trăm mười hai triệu bảy trăm mười tám ngàn tám trăm sáu mươi một đồng*) trong đó nợ gốc là 123.247.063 đồng (*một trăm hai mươi ba triệu hai trăm bốn mươi bảy ngàn không trăm sáu mươi ba đồng*); lãi là 89.471.798 đồng (*tám mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi một ngàn bảy trăm chín mươi tám đồng*), theo các hợp đồng tín dụng số LN17052400061625/LAN/HĐTD, ngày 05/6/2017; Hợp đồng tín dụng số LD1931300074 ngày 09/11/2019; Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán thẻ ghi nợ và dịch vụ **ngân hàng Đ1** ngày 26/05/2017.

Kể từ ngày 29/11/2023, Ông **Nguyễn Thành P** và bà **Huỳnh Thị Trúc L** sẽ tiếp tục chịu lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên với Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp **Nguyễn Thành P** và bà **Huỳnh Thị Trúc L** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cụ thể: kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô con nhãn hiệu HUYNDAI, số loại GRAND, số khung 41CAHM246115, số máy G4LAHM370997, biển số 71A-037 64 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 007522 do **phòng C công an tỉnh B** cấp ngày 02/6/2017 đứng tên **Nguyễn Thành P** để thu hồi nợ cho ngân hàng đối với cả 3 khoản vay trên theo hợp đồng thế chấp số LN1705240006125/LAN/HĐTCSP ngày 06/5/2021.

Trường hợp giá trị tài sản đảm bảo phát mãi không đủ thanh toán nợ thì ông **P**, bà **L** tiếp tục có nghĩa vụ trả cho ngân hàng cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Về án phí hòa giải thành là 5.317.971 đồng (*năm triệu ba trăm mười bảy ngàn chín trăm bảy mươi một đồng*); ông **Nguyễn Thành P** và bà **Huỳnh Thị Trúc L** có

nghĩa vụ nộp số tiền án phí nêu trên.

Hoàn trả cho **Ngân hàng V** số tiền 5.237.000 đồng (*năm triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000806 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Tuyết